

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12/6/2020

V/v: “ Xin ly hôn, nuôi con ”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Tựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông Trần Tú Anh

2/Ông Nguyễn Tân Phong

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long không dự phiên tòa:

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 21/2020/TLST-HN ngày 19 tháng 2 năm 2020 về việc “xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-HN ngày 6/5/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/QĐST – HNGĐ ngày 25/5/2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1984(có mặt)

ĐKHKT: ấp P M, xã P L, huyện C T, tỉnh Đồng Tháp.

* Bị đơn: Anh Phan Minh H, sinh năm 1978 (vắng mặt)

ĐKHKT: Ấp T H, thị trấn T Q, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và bản khai ngày 9/12/2020 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày: Vào năm 2002, chị Đ và anh Phan Minh H quen biết với nhau và có tìm hiểu trước, được cha mẹ hai bên đồng ý nên chúng tôi tổ chức lễ cưới. Nữ trang ngày cưới gồm 01 đôi bông tai 01 chỉ, 01 sợi dây chuyền 02 chỉ tất cả đều là vàng 24K. Hiện vợ chồng đã bán tiêu xài hết. Chị Đ và anh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T Q, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/12/2002

Sau khi cưới, vợ chồng về sống tại ấp T H, xã T Q, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long. Chị Đ và anh H sống hạnh phúc và sinh được 02 con chung tên Phan Nguyễn Hồng N, sinh ngày 11/3/2003 và Phan Nguyễn Kim N, sinh ngày 14/6/2013 hiện đang sống với chị Đ.

Trong thời gian chung sống chị Đ và anh H không tạo lập ra tài sản chung, không thiếu nợ ai, cũng không có ai thiếu nợ vợ chồng.

Về mâu thuẫn gia đình: Thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng đến năm 2015 Do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống và kinh tế gia đình gặp khó khăn nên thường hay cãi nhau làm mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng. Vợ chồng nhiều lần khuyên bảo nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Chị Đ và anh H đã ly thân 04 năm nay, hiện nay mỗi người đều có cuộc sống riêng mình, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: xin ly hôn với anh Phan Minh H.
 - Về con chung: Có 02 con chung là Phan Nguyễn Hồng N, sinh ngày 11/3/2003 và Phan Nguyễn Kim N, sinh ngày 14/6/2013, chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.
 - Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

* Tại phiên tòa:

- Chị Đ trình bày: Về mâu thuẫn gia đình: Thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng đến năm 2015 Do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống và kinh tế gia đình gặp khó khăn nên thường hay cãi nhau làm mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng. Vợ chồng nhiều lần khuyên bảo nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Chị Đ và anh H đã ly thân 04 năm nay, hiện nay mỗi người đều có cuộc sống riêng mình, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: xin ly hôn với anh Phan Minh H.
 - Về con chung: Có 02 con chung là Phan Nguyễn Hồng N, sinh ngày 11/3/2003 và Phan Nguyễn Kim N, sinh ngày 14/6/2013, chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.
 - Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện, bảng tự khai của nguyên đơn cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Xin ly hôn, nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn T Q, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long và có mặt tại địa phương do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B T, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ lúc thụ lý đến khi xét xử: Anh Phan Minh H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt không đến dự tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh H.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2002, chị Nguyễn Thị Đ và Phan Minh H kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T Q huyện B T, tỉnh Vĩnh Long, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống chị Đ và anh H thường xuyên bất đồng quan điểm sống và kinh tế gia đình gặp khó khăn nên thường hay cãi nhau làm mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng. Chị Đ và anh H đã ly thân với nhau khoản 4 năm nay. Hiện mỗi người điều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Chị Đ xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Do đó chị Đ xin ly hôn anh H. Do đó áp dụng vào Điều 9, 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị Đ.

[4] Xét về con chung: Chị Nguyễn Thị Đ và Phan Minh H sống chung với nhau có sinh được 02 con chung tên Phan Nguyễn Hồng N, sinh ngày 11/3/2003 và Phan Nguyễn Kim N, sinh ngày 14/6/2013, hiện đang sống với chị Đ. Chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy chị Đ đang nuôi dưỡng và chăm sóc cháu 2 cháu, để đảm bảo ổn định môi trường sống và sinh hoạt hàng ngày của 2 cháu không bị thay đổi nên để cho chị Đ tiếp tục nuôi con chung phù hợp với nguyện vọng của 2 cháu, không trái quy định của pháp luật. Chị Đ không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc. Do đó áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị Đ.

Anh Phan Minh H được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng anh H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Đ có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[5] Về quan hệ tài sản: chị Nguyễn Thị Đ và anh Phan Minh H không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị Nguyễn Thị Đ nộp 300.000 đồng, chị Đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011353 ngày 19/02/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện B T thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Đ.

1/Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Phan Minh H.

2/Về con chung: Chị Nguyễn Thị Đ được tiếp tục nuôi con chung tên Phan Nguyễn Hồng N, sinh ngày 11/3/2003 và Phan Nguyễn Kim N, sinh ngày 14/6/2013, đến khi 2 cháu tròn 18 tuổi. Chị Đ không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phan Minh H được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng anh H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Đ có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H.

3/Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Phan Minh H không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Đ nộp 300.000 đồng, chị Đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011353 ngày 19/02/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện B T thu.

5/Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/Án xử công khai có mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn anh Phan Minh H vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi thường trú.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Vĩnh Long;
- VKS Huyện Bình Tân;
- THA huyện Bình Tân;
- UBNDTT Tân Quới,
Huyện Bình Tân, Vĩnh Long.
- các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Thành Tự